

THIẾT BỊ PHUN CHÂN KHÔNG

Series súng phun chân không

Súng phun chân không ALG-7/ALG-72/ALG-73

Để dàng làm sạch hơn

- » Kích thước ống dẫn sơn lớn giảm áp lực trong ống và ngăn ngừa tình trạng lắng đọng.

Tăng độ an toàn

- » Chịu được áp lực lớn gấp 4 lần áp lực hoạt động tối đa, nhằm đảm bảo cho sự an toàn, theo xu hướng gần đây, chúng tôi đã bỏ khóa phun (khóa an toàn vẫn được trang bị như trước).

Thao tác dễ dàng

- » Cò súng được thiết kế lại nhằm giảm lực bóp, khiến thao tác bóp cò trở nên nhẹ nhàng hơn.

Nhỏ gọn và nhẹ nhàng

- » Chúng tôi đã nỗ lực nhằm giảm trọng lượng của súng mà vẫn giữ nguyên được kết cấu mạnh mẽ và chịu được áp lực cao của súng.

Bảo trì dễ dàng




- » Bạn có thể tháo rời và lắp ráp súng dễ dàng với các dụng cụ thông thường như cờ lê, lục giác, không cần tới các dụng cụ đặc biệt.
- » Bộ kim phun chất lỏng được lắp ráp rất đơn giản.

*ALG-73 không tích hợp bộ lọc vì nó dành cho sơn có độ nhớt cao.

Súng phun chân không AP-96

Lý tưởng để sơn những khu vực khó với tới như những bức tường cao, trần nhà hay bên trong đường ống.

Bạn có thể lựa chọn ống nối dài từ 0.5, 1.0, 1.5 và 2.0m.

MODEL	Loại				
		MPa	Khí	Chất lỏng	g
ALG-7	Loại thông thường dùng 4 ngón tay	25.0		G1/4 (PF1/4)	440
ALG-72	Loại thông thường dùng 2 ngón tay				415
ALG-73	Dùng cho sơn có độ nhớt cao			G3/8 (PF3/8)	450
AL-96	Súng phun chân không tự động	27.5	G1/4	G1/4 (PF1/4)	480
AP-96-05	Dùng sơn khu vực khó với tới				970
AP-96-10					1170
AP-96-15					1450
AP-96-20					1700



ALG-7



ALG-72



ALG-73



AL-96

Đầu vòi phun chân không

MODEL Đầu vòi			
	ml/giây	l/phút	cm
NT1003	3.0	0.18	7~13
NT1004	4.0	0.24	
NT1005	5.0	0.30	
NT1006	6.0	0.36	
NT1007	7.0	0.42	13~18
NT1503	4.5	0.27	
NT1504	6.0	0.36	
NT1505	6.0	0.45	
NT1506	9.0	0.54	18~23
NT1507	10.5	0.63	
NT2003	6.0	0.36	
NT2004	8.0	0.48	
NT2005	10.0	0.60	23~28
NT2006	12.0	0.72	
NT2007	14.0	0.84	
NT2009	18.0	1.08	
NT2011	22.0	1.32	28~33
NT2013	26.0	1.56	
NT2503	7.5	0.45	
NT2504	10.0	0.60	
NT2505	12.5	0.75	33~38
NT2506	15.0	0.90	
NT2507	17.5	1.05	
NT2509	22.5	1.35	
NT2511	27.5	1.65	38~43
NT2513	32.5	1.95	
NT3003	9.0	0.54	
NT3004	12.0	0.72	
NT3005	15.0	0.90	38~43
NT3006	18.0	1.08	
NT3007	21.0	1.26	
NT3009	27.0	1.62	
NT3011	33.0	1.98	38~43
NT3013	39.0	2.34	
NT3016	48.0	2.88	
NT3019	57.0	3.42	
NT3022	66.0	3.96	38~43
NT3503	10.5	0.63	
NT3504	14.0	0.84	
NT3505	17.5	1.05	
NT3506	21.0	1.26	38~43
NT3507	24.5	1.47	
NT3509	31.5	1.89	
NT3511	38.5	2.31	
NT3513	45.5	2.73	38~43
NT3516	56.0	3.36	
NT3519	66.5	3.99	
NT3522	77.0	4.62	
NT4003	12.0	0.72	38~43
NT4004	16.0	0.96	
NT4005	20.0	1.20	
NT4006	24.0	1.44	
NT4007	28.0	1.68	38~43
NT4009	36.0	2.16	
NT4011	44.0	2.64	
NT4013	52.0	3.12	
NT4016	64.0	3.84	38~43
NT4019	76.0	4.56	
NT4022	88.0	5.28	